

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2018

V/v: Ly hôn giữa chị D và anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Giang;

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/8/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: thôn Non, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; hiện trú tại: thôn Đụn 3, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: anh Hoàng Văn B, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn Non, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 23/4/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn B ngày 30 tháng 11 năm 2015, trước khi kết hôn hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị và anh B về chung sống với nhau ngay. Buổi đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B ham chơi, không

chịu làm ăn và không chăm lo cho gia đình. Chị và gia đình anh B đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không nghe. Tháng 9/2017, chị phải về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống nhưng sau đó do anh B xin lỗi và đón về đoàn tụ, chị đã nhất trí về đoàn tụ. Nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, lần cuối cùng vào tháng 4/2018, chị phải về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2018, bị đơn là anh Hoàng Văn B trình bày: Anh nhất trí với trình bày của chị D về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 2/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Tháng 4/2018, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị D sinh sống. Từ khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chưa có lần nào đến đón gọi chị D về đoàn tụ. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng Văn B vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn B.

Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Hoàng Văn B ngày 30/11/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị D và anh B về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B ham chơi, không chăm lo cho gia đình, chị D và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không nghe. Tháng 4/2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị D phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh B. Anh B cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018. Tại biên bản xác minh của Tòa án thì gia đình và chính quyền địa phương đều xác định vợ chồng chị D, anh B có xảy ra mâu thuẫn, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình cũng như các đoàn thể hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018. Xét thấy, cuộc sống chung của chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị D được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp ruộng canh tác: chị D và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001929 ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bi đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hs,vt.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Tư Duy